|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn**  **5/1/2024** | **Lớp** | 6C | 6D | 6E |
| **Tiết** | 4,5 | 1,3 | 3,2 |
| **Ngày dạy** | 16,17/1 | 16,19/1 | 17,19/1 |

**Tiết 56,57- BÀI 15.**

**LỚP VỎ KHÍ CỦA TRÁI ĐÂT.KHÍ ÁP VÀ GIÓ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.

• Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.

• Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một sổ khối khí.

• Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuờng xuyên trên Trái Đất.

• Biết cách sử dụng khi áp kế.

• Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí  quyển hay lớp vỏ khí của Trái Đất. Lớp vỏ khi gồm, những thành phần nào và cấu tạo ra sao? Khí áp và gió phân bố như thế nào trên Trái Đất  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Thành phần không khí gần bề mặt đất**  **a. Mục đích: HS kê tên được các thành phần và tỉ trọng cảu các thành phần đó trong**  **b. Nội dung: Thành phần không khí gần bề mặt đất**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Cho HS quan sát H SGK phóng to  ? Không khí gồm những thành phần nào?  ? Mỗi thành phần chiém tỉ lệ bao nhiêu?  ? Bằng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Thành phần không khí gần bề mặt đất**  Gồm :  - Khí ni tơ chiếm 78%.  - Khí ôxi chiếm 21% .  - Hơi nước và các khí khác  chiếm 1%   * Các khi này có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên và đời sống. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Các tầng khí quyển**  **a. Mục đích:** HS biết được tên và đặc điểm của từng tầng khí quyển  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Các tầng khí quyển  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV  Đọc thông tin trong mục 2 và quan sát hình 1, 2, em hãy:  - Cho biết khí quyển gồm những tầng nào.  HS làm việc nhóm   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đối lưu | Bình lưu | | Vị trí |  |  | | Đặc điểm |  |  |   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Các tầng khí quyển**  Gồm 3 tầng:  + Đối lưu  + Bình lưu  + Tầng cao khí quyển.  **\* Tầng đối lưu:**  - Nằm dưới cùng, độ dày từ 0-16 km.  - Tập trung 90% KHÔNG KHÍ, KHÔNG KHÍ luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng.  - Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng :mây, mưa, sấm chớp…  - Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm, lên cao100m nhiệt độ giảm 0,60C.  **\* Tầng bình lưu:**  - Nằm trên tầng đối lưu, độ dày từ 16 – 80 km, không khí chuyển dộng theo chiều ngang.  - Có lớp ô dôn có tác dụng hấp thụ, ngăn các tia bức xạ có hại của MT đối với sinh vật và con người | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Các khối khí**  **a. Mục đích:** HS biết được nơi hình thành và đặc điẻm của các khối khí  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Các khối khí  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Khối khí | Nơi hỉnh thành | Đặc điểm chính | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Các khối khí**  Các khối khí:  - Khối khí nóng hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.  - Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.  - Khối khí đại dương hình thành trên các biền và đại dương, có độ ẩm lớn.  - Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất**  **a. Mục đích:** HS biết được khái niệm khí ap, đơn vị đo khí áp; sự phân bố các đai khí hậu trên Trái Đất  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV:  Cho biết giá trị khí áp được thề hiện ở hình 4.  Dựa vào hình 5, hãy cho biết.  - Tên của các đai áp cao và đai áp thấp trên bề mặt Trái Đất.  - Sự phân bố của các đai khí áp ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **4/ Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất**  ***a. Khí áp:***  - Sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất gọi là khí áp.  - Đơn vị đo khí áp là mm thủy ngân.  ***b. Các đai khí áp trên Trái đất***  - Khí áp được phân bố trên TRÁI ĐẤT thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực  + Các đai áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 00 và khoảng vĩ độ 600B và N  + Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 300 B và N và khoảng vĩ độ 900B và N(cực Bắc và Nam) | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.5: Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất**  **a. Mục đích:** HS biết đươc tên và đặc điểm các loại gió trên TĐ  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS thảo luận hoàn thành bảng sau.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Loại gió | phạm vi gió thổi | Hướng gió | | Tín phong |  |  | | Tây ôn đới |  |  | | Đông cực |  |  |   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **5.Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất**    (bảng chuẩn kiến thức) | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Bảng chuẩn kiến thức**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Loại gió** | **Phạm vi gió thổi** | **Hướng gió** | | **Tín phong** | Từ khoảng các vĩ độ 300B và N về XĐ | ở nửa cầu Bắc hướng ĐB,  ở nửa cầu Nam hướng ĐN | | **Tây ôn đới** | Từ khoảng các vĩ độ 300B và N lên khoảng các vĩ độ 600B và N | ở nửa cầu B, gió hướng TN,  ở nửa cầu N, gió hướng TB | | **Đông cực** | Từ khoảng các vĩ độ 900Bvà N về 600B và N | ở nửa cầu B, gió hướng ĐB,  ở nửa cầu N, gió hướng ĐN | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát hình 6, thu thập thông tin về hoạt động sản xuất điện gió và chia sẻ với các bạn  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |